

RESEARCH ON DEVELOPMENT ORIENTATIONS AND SOLUTIONS FOR EXPANDING BEN TRE CITY TO REACH A CLASS I URBAN BY 2030

Nguyen Thi Hong, Nguyen Thu Huyen*

TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	11/4/2024	Ben Tre city is in the center of Ben Tre province with a natural area of 70.60 km ² . The province's population was 146,641 people up to December 31, 2022. Ben Tre city was recognized class II urban area. Orientation to 2030, vision to 2050, the city will be class I urban area. The objective of this research is to establish urban plans to develop and expand Ben Tre city to achieve class I urban area. The article uses data collection and processing methods, field investigation methods, methods of synthesis, analysis, comparison and map method to specify the content of each option. The research results suggest 3 options. Each option provides content, detailed maps and evaluates advantages and limitations. In particular, feasible option is the expansion of the city to the Northwest that has advantages for urban and socio-economic development. This plan connects certain transportation infrastructure with the current city.
Revised:	10/6/2024	
Published:	10/6/2024	
KEYWORDS		
Ben Tre city		
Urban		
Urban development		
General planning		
Development		

NGHIÊN CỨU ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP MỞ RỘNG THÀNH PHỐ BẾN TRE ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI I ĐẾN NĂM 2030

Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thu Huyền*

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	11/4/2024	Thành phố Bến Tre nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Bến Tre, có diện tích tự nhiên là 70,60 km ² với dân số tính đến ngày 31/12/2022 là 146.641 người, được công nhận là đô thị loại II. Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là thành phố loại I trực thuộc tỉnh. Mục tiêu của nghiên cứu là xây dựng phương án phát triển đô thị, mở rộng thành phố Bến Tre để đạt được đô thị loại I. Các phương pháp sử dụng trong bài gồm phương pháp thu thập và xử lý số liệu phục vụ nghiên cứu, phương pháp điều tra thực địa và phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh để đánh giá kết quả đạt được, kết hợp với phương pháp bản đồ nhằm cụ thể nội dung của từng phương án mở rộng thành phố. Kết quả nghiên cứu đề xuất 3 phương án mở rộng thành phố, với mỗi phương án đưa ra nội dung, bản đồ chi tiết, đánh giá ưu điểm và hạn chế. Trong đó, phương án khả thi là mở rộng về các xã phía Tây Bắc có tiềm năng và thuận lợi để phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội, có sự kết nối nhất định về cơ sở hạ tầng giao thông với thành phố hiện tại.
Ngày hoàn thiện:	10/6/2024	
Ngày đăng:	10/6/2024	
TỪ KHÓA		
Thành phố Bến Tre		
Đô thị		
Phát triển đô thị		
Quy hoạch chung		
Phát triển		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10124>

* Corresponding author. Email: huyen.nt@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Đô thị hóa là quá trình phát triển kinh tế, cảnh quan, cơ sở hạ tầng, mở rộng của đô thị. Quá trình đô thị hóa làm gia tăng mật độ dân số, mở rộng diện tích khu vực theo thời gian. Nhiều địa phương trên cả nước đẩy mạnh đầu tư phát triển để đạt được mức độ đô thị hóa cao, trong đó có tỉnh Thái Nguyên [1]-[4], thành phố Hồ Chí Minh [5] và nhiều địa phương đang phát triển.

Tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, tỉnh Bến Tre định hướng trong giai đoạn tới phấn đấu xây dựng trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2025 và của cả nước vào năm 2030 [6]. Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy Bến Tre về phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030, thành phố Bến Tre được định hướng phát triển và nâng cao trở thành đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của địa phương, các tiểu vùng; nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh ngang bằng và từng bước cao hơn mức trung bình toàn quốc; xây dựng bộ máy chính quyền đô thị hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chất lượng cuộc sống của người dân khu vực đô thị được nâng cao, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị [7], [8].

Định hướng phát triển thành phố Bến Tre dựa trên định hướng quy hoạch xây dựng tỉnh Bến Tre (đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050), với định hướng thành phố Bến Tre là thành phố loại I trực thuộc tỉnh - trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại và du lịch của tỉnh cũng như của khu vực [9].

Hiện nay, thành phố Bến Tre đang là trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh của tỉnh và tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, khắc phục các tiêu chuẩn đô thị loại II đạt thấp. Tuy nhiên, hiện tại về quy mô dân số và diện tích tự nhiên của đô thị chưa đạt với định hướng phát triển đô thị của thành phố. Hạ tầng đô thị có phát triển nhưng quy mô còn hạn chế, tỷ lệ đất giao thông đô thị, mật độ giao thông chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định, chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung cho đô thị...

Xuất phát từ thực tiễn đó, để đảm bảo thành phố Bến Tre đạt được theo định hướng đề ra cần tập trung đầu tư phát triển đô thị, mở rộng thành phố Bến Tre để đảm bảo các tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích tự nhiên, bài viết này sẽ đánh giá hiện trạng phát triển và đề xuất các phương án mở rộng thành phố Bến Tre để đạt được đô thị loại I đến năm 2030, nhằm bổ sung cơ sở khoa học, thực tiễn cho địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập thông tin số liệu

- *Thu thập thông tin số liệu thứ cấp*: Thu thập các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, quy mô dân số, diện tích tự nhiên và hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng đô thị, nông thôn mới; các văn bản, nghị quyết, quyết định liên quan đến xây dựng và phát triển mở rộng thành phố Bến Tre.

- *Thu thập thông tin số liệu sơ cấp*: Thông tin sơ cấp được thu thập qua phương pháp điều tra, khảo sát thực địa, kiểm tra độ chính xác của các thông tin thu được. Khảo sát về đặc điểm, điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội, hiện trạng đô thị, sử dụng đất và hệ thống hạ tầng tại thành phố Bến Tre.

2.2. Phương pháp xử lý, phân tích, so sánh

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, nhóm tác giả tiến hành thống kê toàn bộ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, hệ thống đô thị, cơ sở hạ tầng của thành phố; phân nhóm các số liệu điều tra để xử lý; phân tích tính toán phần trăm dân số và diện tích tự nhiên, sau đó so sánh đối chiếu theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/09/2022.

2.3. Phương pháp bản đồ

Dựa theo hiện trạng phát triển đô thị, nông thôn mới kết hợp định hướng quy hoạch thành phố, nhóm tác giả xây dựng bản đồ thiết kế các phương án mở rộng thành phố Bến Tre để đạt được đô thị loại I đến năm 2030.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Vị trí địa lý thành phố Bến Tre

Thành phố Bến Tre trực thuộc tỉnh Bến Tre, được thành lập theo Nghị quyết số 34/2009/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 11 tháng 8 năm 2009; thành phố Bến Tre có 14 đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã trực thuộc, bao gồm 8 phường (phường 4, 5, 6, 7, 8, An Hội, Phú Khương, Phú Tân) và 6 xã (Bình Phú, Mỹ Thạnh An, Nhon Thạnh, Phú Hưng, Phú Nhuận, Sơn Đông).

Địa giới hành chính: Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Châu Thành; phía Đông và Đông Nam giáp huyện Giồng Trôm; phía Tây và Tây Nam giáp huyện Mỏ Cày Bắc và sông Hàm Luông.

Thành phố Bến Tre nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Bến Tre, thuộc khu vực Cù lao Bảo, là trung tâm kinh tế, hành chính, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh Bến Tre và tiếp giáp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thành phố Bến Tre có Quốc lộ 60 đi qua tạo thuận lợi kết nối với các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Vĩnh Long...; nằm cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 87 km theo tuyến Quốc lộ 1A - Quốc lộ 60 và cách thành phố Cần Thơ khoảng 110 km theo tuyến Quốc lộ 60 - Quốc lộ 57. Bên cạnh đó, thành phố Bến Tre có hệ thống sông ngòi chằng chịt tạo điều kiện thuận lợi trong giao thông đường thủy và đặc biệt là phát triển loại hình du lịch sinh thái, sông nước.

3.2. Hiện trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số, hệ thống và định hướng phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Bến Tre

- *Diện tích tự nhiên:* Theo Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành phố Bến Tre tính đến ngày 31/12/2022, tổng diện tích tự nhiên là 70,62 km², đạt 47,08% so với tiêu chuẩn¹, chiếm 2,97% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

- *Quy mô dân số:* Tổng dân số toàn thành phố Bến Tre tính đến ngày 31/12/2022 là 146.641 người (theo Công an tỉnh), đạt 97,76% so với tiêu chuẩn¹, chiếm 9,43% tổng dân số toàn tỉnh. Trong đó: Thường trú 143.562 người; Tạm trú 3.079 người; Mật độ dân số: 2.076 người/km².

Thống kê diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc thành phố Bến Tre được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Hiện trạng diện tích, quy mô dân số của các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Bến Tre (Tính đến 31/12/2022)

STT	Tên ĐVHC	Diện tích			Quy mô dân số				
		Tổng diện tích (km ²)	Tiêu chuẩn* (km ²)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (người)	Trong đó		Tiêu chuẩn* (người)	Tỷ lệ (%)
					Thường trú (người)	Tạm trú (người)			
I		70,62	150	47,08	146.641	143.562	3.079	150.000	97,76
1	Phường An Hội	0,91	5,5	16,53	13.813	13.691	122	7.000	197,33
2	Phường 4	0,40	5,5	7,18	5.768	5.703	65	7.000	82,40
3	Phường 5	0,49	5,5	8,91	5.935	5.834	101	7.000	84,79
4	Phường 6	1,57	5,5	28,57	7.828	7.775	53	7.000	111,83
5	Phường 7	2,31	5,5	42,02	9.045	8.948	97	7.000	129,21
6	Phường 8	2,25	5,5	40,94	8.245	8.198	47	7.000	117,79
7	Phường Phú Khương	3,41	5,5	62,04	14.837	14.413	424	7.000	211,96
8	Phường Phú Tân	4,24	5,5	77,09	10.981	10.317	664	7.000	156,87
9	Xã Phú Hưng	10,08	30	33,62	14.763	14.422	341	8.000	184,54
10	Xã Sơn Đông	10,69	30	35,64	14.107	13.621	486	8.000	176,34
11	Xã Bình Phú	9,66	30	32,18	13.199	12.960	239	8.000	164,99
12	Xã Mỹ Thạnh An	10,29	30	34,31	12.972	12.858	114	8.000	162,15
13	Xã Phú Nhuận	5,09	30	16,98	6.218	5.986	232	8.000	77,73
14	Xã Nhon Thạnh	9,22	30	30,74	8.930	8.836	94	8.000	111,63

Ghi chú: * Tiêu chuẩn theo NQ 1211/2016 được sửa đổi, bổ sung tại NQ 27/2022

¹ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Hiện trạng và định hướng phát triển hệ thống đô thị

Thành phố Bến Tre được công nhận là đô thị loại II theo Quyết định số 174/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13 tháng 2 năm 2019, là đô thị loại II trực thuộc tỉnh (trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hành chính, giáo dục - đào tạo...) Tuy nhiên, dân số hiện tại của thành phố Bến Tre chưa đáp ứng được tiêu chí về dân số của đô thị loại II. Điều này tạo nên áp lực cho thành phố Bến Tre cần có các định hướng phát triển trong tương lai để gia tăng dân số cơ học.

Nhìn chung, cho tới thời điểm hiện tại, thực trạng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn thành phố Bến Tre đã theo định hướng của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bến Tre đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã đề ra.

Bên cạnh đó, hiện trạng đô thị đang phát triển khá nhanh nhưng chất lượng đô thị vẫn còn đạt thấp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ. Phát triển đô thị chưa đáp ứng được so với phát triển kinh tế xã hội. Tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng tại một số phường còn chậm so với phát triển kinh tế xã hội. Hình thái đô thị đã có bản sắc địa phương nhưng chưa đặc sắc, kiến trúc cảnh quan đô thị chưa phát huy được vị trí thành phố hai bên bờ sông, diện tích cây xanh và mặt nước bị thu hẹp; năng lực thu gom xử lý rác thải sinh hoạt còn hạn chế, đầu tư xây dựng còn chưa đồng bộ, việc huy động vốn từ khối kinh tế tư nhân và từ cộng đồng chưa cao.

3.3. Định hướng phát triển và các phương án mở rộng thành phố Bến Tre

Để đạt được theo định hướng phát triển đô thị thành phố Bến Tre đạt chuẩn đô thị loại I đến năm 2030 (theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy Bến Tre), thành phố Bến Tre cần xây dựng phương án mở rộng thành phố. Trên cơ sở số liệu dân số, diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính (số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố), hiện trạng địa giới đơn vị hành chính các cấp tiến hành xây dựng các phương án mở rộng thành phố Bến Tre và đề xuất 3 phương án khả thi.

3.3.1. Phương án 1

a. Nội dung

- Điều chỉnh địa giới hành chính xã Sơn Hòa, xã An Hiệp, xã Tường Đa (dự kiến sáp nhập xã Sơn Hòa, xã An Hiệp và xã Tường Đa thành 1 xã giai đoạn 2023 - 2025), xã Hữu Định, xã Phước Thạnh (dự kiến sáp nhập xã Hữu Định và xã Phước Thạnh thành 1 xã giai đoạn 2026 - 2030) thuộc huyện Châu Thành để mở rộng thành phố Bến Tre.

- Thành lập 6 phường: Phú Nhuận, Nhơn Thạnh, Phú Hưng, Mỹ Thạnh An, Bình Phú, Sơn Đông. Bản đồ phương án mở rộng thành phố Bến Tre theo phương án 1 thể hiện tại Hình 1.

b. Ưu điểm và hạn chế của phương án

- Ưu điểm: Không gian thành phố Bến Tre được mở rộng về phía Tây Bắc với các khu vực có tiềm năng và thuận lợi để phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội, có sự kết nối nhất định về cơ sở hạ tầng giao thông với thành phố hiện tại, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị sau này. Nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành ở xã Tam Phước được giữ nguyên không phải điều chỉnh về thị trấn Châu Thành, do đó thị trấn Châu Thành không phải điều chỉnh quy hoạch chung đô thị.

- Hạn chế: Mở rộng thành phố theo phương án này tác động tiêu cực đến tiêu chuẩn của huyện Châu Thành. Hiện tại huyện Châu Thành đang không đảm bảo về tiêu chuẩn diện tích so với tiêu chuẩn, sau khi điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp xã mở rộng thành phố Bến Tre, huyện Châu Thành có diện tích tự nhiên đạt 39,99% so với tiêu chuẩn và tổng số ĐVHC cấp huyện còn 11 đơn vị (không đảm bảo so với tiêu chuẩn). Huyện Châu Thành bị thắt lại ở khu vực xã Phú Túc, đồ hình kéo dài thêm theo hướng Đông - Tây (dọc theo sông Tiền) gây những khó khăn nhất định cho công tác quản lý nhà nước, đáp ứng các dịch vụ công cho Nhân dân; ảnh hưởng tâm lý người dân của các xã bị điều chỉnh.

huyện Châu Thành; xã Sơn Phú thuộc huyện Giồng Trôm; xã Thanh Tân thuộc huyện Mỏ Cày Bắc mở rộng thành phố Bến Tre (Hình 2a).

- Thành lập 6 phường: Phú Nhuận, Nhơn Thạnh, Phú Hưng, Mỹ Thạnh An, Bình Phú, Sơn Đông.

b. Ưu điểm và hạn chế của phương án

- Ưu điểm: Mở rộng được không gian thành phố với các khu vực có tiềm năng và thuận lợi để phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội. Các xã chuyển về thành phố đều là những đơn vị nằm sát cạnh thành phố, có sự kết nối nhất định về cơ sở hạ tầng giao thông (gồm các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nên cơ bản đạt các tiêu chí, tiêu chuẩn của khu vực ngoại thành của đô thị loại II).

- Hạn chế: Mở rộng thành phố theo phương án này tác động tiêu cực đến tiêu chuẩn của cả 03 ĐVHC cấp huyện giáp ranh. Trong khi đó, hiện trạng các huyện giáp ranh với thành phố cơ bản đều đang không đảm bảo về tiêu chuẩn diện tích (đạt thấp) so với quy định. Huyện Mỏ Cày Bắc, hiện trạng có diện tích rất nhỏ, sau khi chuyển xã Thanh Tân về thành phố thì tỷ lệ diện tích còn 32,26% so với tiêu chuẩn, số lượng ĐVHC cấp xã trực thuộc huyện cũng giảm (10/13 ĐVHC cấp xã).

c. Kết quả đơn vị hành chính cấp huyện liên quan sau khi mở rộng thành phố theo phương án 2

- Thành phố Bến Tre sau mở rộng có: Diện tích tự nhiên 141,06 km² (đạt 94,04% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 200.863 người (đạt 133,91% so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 16 ĐVHC; Tỷ lệ số phường/tổng số ĐVHC cấp xã: đạt 75% (tiêu chuẩn là 65%); Đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị thành phố Bến Tre theo phương án 2

STT	Tiêu chí	Đánh giá	
		Đô thị loại II	Đô thị loại I
1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	Đạt	(*)
2	Quy mô dân số	Đạt (200.863 người)	Không đạt (200.863 người)
3	Mật độ dân số	Đạt (1.424 người/km ²)	Đạt (1.424 người/km ²)
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	Đạt	(*)
5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	Đạt	(*)

- Huyện Châu Thành sau điều chỉnh có: Diện tích tự nhiên 189,19 km² (đạt 42,04% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 170.018 người (đạt 141,68% so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 11 ĐVHC (đạt 84,61% so với tiêu chuẩn).

- Huyện Giồng Trôm sau điều chỉnh có: Diện tích tự nhiên 297,87 km² (đạt 66,19% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 213.514 người (đạt 177,93% so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 18 ĐVHC (đạt 130,77% so với tiêu chuẩn).

- Huyện Mỏ Cày Bắc sau điều chỉnh có: Diện tích tự nhiên 145,16 km² (đạt 32,26% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 133,687 người (đạt 111,41% so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 12 ĐVHC (đạt 84,61% so với tiêu chuẩn).

3.3.3. Phương án 3

a. Nội dung

- Điều chỉnh địa giới hành chính xã Sơn Hòa, xã An Hiệp, xã Tường Đa (dự kiến sáp nhập xã Sơn Hòa, xã An Hiệp và xã Tường Đa thành 1 xã giai đoạn 2023-2025), xã Hữu Định thuộc huyện Châu Thành; xã Sơn Phú, xã Thuận Điền, xã Mỹ Thạnh (dự kiến sáp nhập xã Sơn Phú, xã Thuận Điền và xã Mỹ Thạnh thành 1 ĐVHC giai đoạn 2026-2030), xã Phong Nẫm thuộc huyện Giồng Trôm để mở rộng thành phố Bến Tre (Hình 2b).

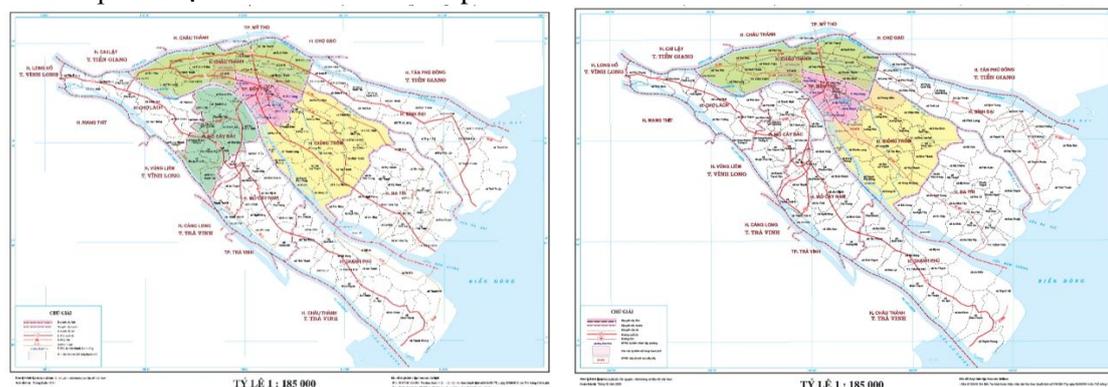
- Thành lập 6 phường: Phú Nhuận, Nhơn Thạnh, Phú Hưng, Mỹ Thạnh An, Bình Phú, Sơn Đông.

b. Ưu điểm và hạn chế của phương án

- Ưu điểm: Không gian thành phố Bến Tre được mở rộng về phía Tây Bắc, Đông Nam, tạo

điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch kết nối hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội. Các xã điều chỉnh đều nằm liền kề thành phố và hầu hết đã được công nhận nông thôn mới nên cơ bản đã được đầu tư về hạ tầng giao thông.

- Hạn chế: Giảm diện tích tự nhiên, quy mô dân số huyện Giồng Trôm và huyện Châu Thành; Thành phố Bến Tre cần tập trung nhiều nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ĐVHC cấp xã được điều chỉnh về thành phố.



Hình 2. Phương án mở rộng thành phố Bến Tre (a) theo phương án 2, (b) theo phương án 3

c. Kết quả đơn vị hành chính cấp huyện liên quan sau khi mở rộng thành phố theo phương án 3

- Thành phố Bến Tre sau mở rộng có: Diện tích tự nhiên 158,96 km² (đạt 105,97 % so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 216.928 người (đạt 144,62% so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 16 ĐVHC (đạt 160% so với tiêu chuẩn). Tỷ lệ số phường/tổng số ĐVHC cấp xã: đạt 75% (tiêu chuẩn là 65%); Đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị thành phố Bến Tre theo phương án 3

STT	Tiêu chí	Đánh giá	
		Đô thị loại II	Đô thị loại I
1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	Đạt	(*)
2	Quy mô dân số	Đạt (216.928 người)	Không đạt (216.928 người)
3	Mật độ dân số	Đạt (1.364 người/km ²)	Đạt (1.364 người/km ²)
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	Đạt	Đạt
5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	Đạt	(*)

- Huyện Châu Thành sau điều chỉnh có: Diện tích tự nhiên 189,19 km² (đạt 42,0% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 170.018 người (đạt 141,68% so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 11 ĐVHC (đạt 92,31% so với tiêu chuẩn).

- Huyện Giồng Trôm sau điều chỉnh có: Diện tích tự nhiên 259,94 km² (đạt 57,76% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 183.310 người (đạt 152,76 % so với tiêu chuẩn); Số lượng ĐVHC cấp xã liên quan: 15 ĐVHC (đạt 115,38% so với tiêu chuẩn).

4. Kết luận

Trên cơ sở phân tích nội dung, ưu điểm và hạn chế của từng phương án, bài báo đề xuất lựa chọn phương án 1. Đây là phương án ít gây ảnh hưởng đến các đơn vị hành chính cấp huyện liền kề, đồng thời mở rộng về các xã phía Tây Bắc có tiềm năng và thuận lợi để phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội, để đảm bảo đạt được các tiêu chí của đô thị loại I. Với mục tiêu hoàn thành theo định hướng, thành phố Bến Tre cần đề ra kế hoạch và thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Công tác tuyên truyền, vận động: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động người dân trong việc hưởng ứng, tham gia xây dựng phát triển đô thị; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị, tuyên truyền, vận động để người dân các xã của các huyện liền kề được điều chỉnh để mở rộng thành phố Bến Tre hiệu được chủ trương và chính sách của tỉnh và thành phố.

- Đánh giá sơ lược các tiêu chuẩn tiêu chí đô thị loại I, tập trung hoàn thiện, khắc phục nhóm các tiêu chuẩn chưa đạt: Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; tập trung đầu tư có trọng điểm, ưu tiên các công trình trọng điểm có ảnh hưởng đến sự phát triển hệ thống giao thông thành phố (cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước trên các tuyến đường đô thị; hoàn chỉnh hệ thống thoát nước trong khu trung tâm, xây dựng bổ sung công trình nhà Tang lễ).

- Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án đầu tư khu đô thị mới: rà soát, triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo đúng tiến độ, góp phần nâng cao chất lượng sống của dân cư, tạo diện mạo cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện tại, bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] B. D. Vu and H. L. Dinh, "Urban agriculture development in Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 15, pp. 135-143, 2003.
- [2] V. A. Vu and T. T. T. Nguyen, "The impacts of urbanization on the fluctuation of urban land use in Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 07, pp. 498-504, 2020.
- [3] V. B. Le and A. T. Do, "Determining the factors affecting economic development in new rural construction towards urbanization in Pho Yen town, Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 01, pp. 148-158, 2021.
- [4] H. D. Tran, T. Q. Nguyen, M. N. Duong, D. Q. Nguyen, and T. N. H. Tran, "assessing the current situation and proposed planning of urban plant on the main roads of Thai Nguyen city," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 18, pp. 221-228, 2021.
- [5] P. H. Dinh, Q. N. Le, and T. S. Tran, "Sustainable development in Ho Chi Minh City: Current status and policy implication," *Science and Technology Development Journal*, vol. 2, no. 01, pp. 31-37, 2018.
- [6] Ben Tre provincial Party committee, *Resolution No. 06-NQ/TU dated 29/01/2021 on urban development in Ben Tre province for the period 2021-2025, vision to 2030*, 2021.
- [7] Ben Tre provincial Party committee, *Program No. 29 dated 08/11/2022 on implementing Resolution No. 06-NQ/TW dated 24/01/2022 of the Politburo on planning, construction, management and sustainable development of urban areas in Vietnam to 2030, with a vision to 2045*, 2022.
- [8] People's committee of Ben Tre province, *Plan No. 2893/KH-UBND date 20/05/2023 on implementing the Government's Resolution and Program No. 29-CTr/TU of the Provincial party committee on implementing Resolution No. 06-NQ/TW dated 24/01/2022 of the Politburo on planning, construction, management and sustainable development of urban areas in Vietnam to 2030, with a vision to 2045*, 2023.
- [9] Vietnam Prime Minister's Office, *Decision No. 1399/QĐ-TTg dated 17/11/2023 on approving the process of Ben Tre province for the period 2021-2030, with a vision to 2050*, 2023.